

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **131/2020/HS-ST**
Ngày 23 tháng 3 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Lương Thiện – Bí thư Đ phường Bình Đa

Ông Nguyễn Thái Hòa – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Quang Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Mỹ Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 658/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 135/2020/HSST-QĐ ngày 26/02/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Tự C**, sinh ngày: 2002 tại Đ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không rõ

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Bình Hưng, xã B, huyện T, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Tự T; sinh năm: 1971 và con bà Nguyễn Thị T; sinh năm: 1970.

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Thúy U, sinh năm: 1993 và có con là Nguyễn Thiên P, sinh năm 2018.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 30/10/2018, bị Công an thị xã Thuận An, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chưa chấp hành xong.

Bị bắt ngày: 03/11/2019

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Dĩ An, tỉnh B. *(Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt).*

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo:** Ông Nguyễn Tự T, sinh năm: 1971 (Bố bị cáo) – *(Có đơn xin vắng mặt)*

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Bình Hưng, xã B, huyện T, tỉnh B.

- **Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:** có luật sư Phạm Văn Đức – Văn phòng luật sư Phạm Đức thuộc Đ luật sư tỉnh Đ – *(Có mặt)*

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1985 – *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: 183, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1957 – *(Vắng mặt).*

Địa chỉ: 85B, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tự C là đối tượng sống lang thang. Vào khoảng 16 giờ ngày 00 phút ngày 23 tháng 8 năm 2019, bị cáo đi bộ một mình đến khu vực phường T, thành phố B để xem ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua căn nhà số 183, khu phố 2, phường T, thành phố B do anh Nguyễn Hoàng T làm chủ thì phát hiện cửa cổng khép lại nhưng không khóa, trong sân có dựng chiếc xe mô tô màu đỏ-đen, hiệu Guida, biển số 60V5-4793 không có người trông coi C lén lút đi vào sân dắt chiếc xe ra ngoài cổng khoảng 3m, bứt dây điện dưới công tơ mét rồi nổ máy xe bỏ chạy. Sau đó, C điều khiển chiếc xe mô tô đi đến nhà anh Tăng Văn Hòa, ngụ tại số 98, khu phố 3, phường T, thành phố B để nhờ anh Hòa cầm giùm chiếc xe, anh Hòa có hỏi giấy tờ xe nhưng C bảo đã bị mất. Do không biết chiếc xe trên do C phạm tội mà có nên khoảng 17 giờ cùng ngày, anh Tăng Văn Hòa điều khiển chiếc mô tô đến nhà ông Trần Văn Đ (là chú họ của Hòa), ngụ tại số nhà 85B, khu phố 1, phường T, thành phố B cầm chiếc xe với số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Sau khi cầm chiếc xe mô tô cho ông Đ thì anh Hòa đi về đưa cho C số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), C mua nước ngọt uống hết 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) còn 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) C cầm để đi chơi game. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng, sau khi phát hiện bị mất chiếc mô tô trên anh Nguyễn Hoàng T làm đơn trình báo Công an phường T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý. Sau đó bị cáo tiếp tục phạm tội tại thị xã Dĩ An, tỉnh B nên Công an thị xã Dĩ An ra Quyết định khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Nguyễn Tự C. Sau khi bị bắt, bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Hoàng T.

Các vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) chiếc xe mô tô màu đỏ-đen, hiệu Guida, biển số 60V5-4793 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Hoàng T.

- Số tiền 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) do bị cáo C phạm tội mà có.

Tại kết luận định giá tài sản số 399/TCKH-HĐĐG ngày 10/09/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: “01 (một) chiếc xe mô tô màu đỏ-đen, hiệu Guida, biển số 60V5-4793, trị giá 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng)”.

Về trách nhiệm dân sự: ông Trần Văn Đ yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) .

Tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKS-BH ngày 16 tháng 12 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Tự C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị ép cung, bức cung, nhục hình.

Người bị hại anh T đã nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng và đề nghị giải quyết bị cáo theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố **tại phiên tòa** vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tự C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 101, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tự C từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên buộc bị cáo Nguyễn Tự C phải bồi thường cho ông Trần Văn Đ 1.000.000 đồng. Số tiền 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng) đã thu giữ của Nguyễn Tự C đã được chuyển đến Chi cục thi hành án Dân sự thành phố B tại biên lai thu tiền số 09839 ngày 16/11/2019 được dùng để đảm bảo thi hành án đối với số tiền bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ.

Đối với trường hợp vắng mặt của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thì Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt họ và không có ý kiến gì về phần công bố lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa.

Luật sư chỉ định bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, quan điểm Viện kiểm sát là phù hợp, khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị hại đã nhận lại xe không yêu cầu bồi thường, đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo mức án phù hợp nhất. Luật

sự không có ý kiến gì đối với việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng và phần công bố lời khai của họ tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, **người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan** không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận vào khoảng 16 giờ ngày 00 phút ngày 23 tháng 8 năm 2019, bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô màu đỏ-đen, hiệu Guida, biển số 60V5 - 4793, trị giá 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) của anh Nguyễn Hoàng T thì bị phát hiện.

[3] Về tội danh:

Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, **người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan** và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Tự C đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người dưới 18 tuổi. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Tuy nhiên cũng cần xem xét khi thực hiện hành vi phạm tội mức độ nhận thức của bị cáo còn kém, chưa phát triển về thể chất và tinh thần, chưa tiền án, 01 tiền sự. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm, phù hợp để răn đe, cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa tiền án,

01 tiền sự nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về phần dân sự:

Anh Nguyễn Hoàng T không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Ông Trần Văn Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đã đủ 18 tuổi nên buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Đ số tiền 1.000.000 đồng.

Ông Trí là đại diện hợp pháp của bị cáo và bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ các Điều 290, 292, 308, 420, 423 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo và ông Trí, đồng thời công bố lời khai của bị cáo và người vắng mặt tại phiên tòa.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 950.000 đồng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[8] Về vật chứng vụ án: Đã xử lý xong nên không đặt ra xem xét.

[9] Về vấn đề khác:

Đối với ông Trần Văn Đ (là người cầm chiếc xe mô tô) và anh Tăng Văn Hòa (là người đi cầm chiếc xe mô tô) không biết chiếc xe mô tô trên do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý hình sự.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[11] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát, luật sư phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tự C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tự C 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2019.

2. Căn cứ Điều 589 Bộ luật dân sự 2015, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo bồi thường cho ông Trần Văn Đ số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 950.000 đồng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên lai thu tiền số 09839 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Luật sư có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, ông Trí, anh T, ông Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố B;
- VKSND tỉnh Đ;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Thi hành án hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- Lưu.

Trần Thị Cẩm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa